

Số: 2855/KL-STC

Ninh Thuận, ngày 05 tháng 10 năm 2020

### **KẾT LUẬN THANH TRA**

**Về công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.**

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-STC ngày 20/5/2020 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra nguồn kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh năm 2018 và năm 2019;

Xét báo cáo Kết quả thanh tra số 32/BC-ĐTTr ngày 10/7/2020 của Đoàn Thanh tra về việc thanh tra nguồn kinh phí từ dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng thay thế tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh (viết tắt là Quỹ BV&PTR) năm 2018 và năm 2019; Ý kiến giải trình của đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra,

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

#### **A. KHÁI QUÁT CHUNG**

##### **I. Tổng quan về đơn vị trong 2 năm 2018 và 2019**

Quỹ BV&PTR được thành lập theo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 14/8/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ninh Thuận; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguồn vốn và hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh được thực hiện tại các Quyết định: Quyết định số 41/2012/QĐ-UBND ngày 14/8/2012; Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 28/6/2017; 1240/QĐ-UBND ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quỹ BV&PTR có chức năng tiếp nhận vốn ngân sách tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn; Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn ủy thác từ tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để thực hiện theo hợp đồng ủy thác; Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ; Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.

Quỹ BV&PTR là một tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận, hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ được UBND tỉnh phê duyệt. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận và các Ngân hàng theo quy định pháp luật;



Trụ sở đặt tại Chi cục Kiểm lâm tỉnh, số 358 đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

## II. Về công tác tổ chức tài chính – kế toán

Phòng Kế hoạch – Tài chính: 01 trưởng phòng (kiêm nhiệm); 01 kế toán (Kế toán trưởng Chi cục Kiểm lâm kiêm nhiệm), 01 thủ quỹ.

## III. Chế độ chính sách về tài chính

Quỹ BV&PTR thực hiện chế độ kế toán, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/05/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

Nguồn thu của Quỹ bao gồm: Nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng và Nguồn thu trồng rừng thay thế.

Năm tài chính của Quỹ áp dụng theo năm dương lịch, bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

## B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### I. Tình hình thực hiện thu, chi dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng thay thế

#### 1. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn kinh phí dịch vụ môi trường rừng

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
<b>A</b>	<b>Dịch vụ môi trường rừng</b>		
<b>I</b>	<b>Tổng thu</b>	<b>8.547.190.979</b>	<b>8.602.503.621</b>
<b>1</b>	<b>Năm trước chuyển sang</b>	<b>1.552.660.633</b>	<b>702.429.567</b>
	Vượt kế hoạch (truy thu DVMTR các năm trước)	1.305.708.610	68.942.319
	Lãi ngân hàng	8.034.551	6.378.199
	Dự phòng	238.917.472	411.647.649
	Năm 2016 chuyển sang		215.461.400
<b>2</b>	<b>Thu trong năm</b>	<b>6.994.530.346</b>	<b>7.900.074.054</b>
2.1	Thu theo kế hoạch	6.988.152.147	7.851.435.608
	- Thu từ các đơn vị thủy điện	4.060.089.828	4.512.876.408
	- Thu từ các đơn vị SX và Cung cấp nước sạch	1.000.641.096	1.186.077.152
	- Thu từ đơn vị KD du lịch	1.927.421.223	2.152.482.048
2.2	Tồn năm 2013-2017 Hạt kiểm lâm Bắc Ái hoàn trả		43.425.155
2.3	Lãi ngân hàng	6.378.199	5.213.291

<b>II</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>8.471.870.461</b>	<b>8.548.201.654</b>
	Trích 10% chi quản lý	823.295.299	809.312.885
	Các chủ rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng	7.236.927.513	7.313.649.944
	Trích dự phòng (5%)	411.647.649	425.238.825
	- Trong năm	172.730.177	13.591.176
	- Năm trước	238.917.472	411.647.649
<b>III</b>	<b>Tồn cuối năm</b>	<b>75.320.518</b>	<b>54.301.967</b>
	Vượt kế hoạch trong năm	68.942.319	49.088.676
	Lãi ngân hàng	6.378.199	5.213.291
<b>B</b>	<b>Hoạt động Quỹ</b>		
<b>I</b>	<b>Tổng thu</b>	<b>1.250.655.752</b>	<b>833.230.069</b>
	Năm trước chuyển sang	427.360.453	23.917.184
	Thu trong năm	823.295.299	809.312.885
<b>II</b>	<b>Tổng chi</b>	<b>1.226.738.568</b>	<b>779.084.282</b>
	Thường xuyên	844.946.171	745.884.282
	- Quản lý	765.109.411	744.084.282
	- Hoạt động nghiệp vụ	79.836.760	1.800.000
	Không thường xuyên	381.792.397	33.200.000
<b>II</b>	<b>Tồn cuối năm</b>	<b>23.917.184</b>	<b>54.145.787</b>

**2. Tình hình thu, giải ngân thực hiện trồng rừng thay thế (chi tiết kèm phụ lục số 01 và 02)**

- Tổng số tiền trồng rừng thay thế phải nộp theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh là 93.456.713.597 đồng với tổng diện tích phải trồng rừng thay thế là 774,50 ha/30 dự án, (trong đó Dự án Hồ chứa nước Sông Than, số tiền 60.075.948.778 đồng/486,9ha, nộp năm 2018). Cụ thể:

+ Tổng số tiền trồng rừng thay thế đã nộp là 90.238.985.571 đồng, với tổng diện tích là 744,43 ha/27 dự án (bao gồm 86,59 ha/11 dự án đã thu hồi chuyển mục đích sử dụng từ năm 2013 đến năm 2018; 35,57 ha/5 dự án thu hồi chuyển mục đích sử dụng năm 2019; 79,20 ha/2 dự án thu hồi, chuyển mục đích sử dụng năm 2020; 543,07 ha/9 dự án nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ BV&PTR để thực hiện trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng)

+ Tổng số tiền trồng rừng thay thế còn phải nộp là 3.217.728.026 đồng, với diện tích là 30,06 ha/3 dự án (bao gồm : Dự án Resort Spa nhỏ, trang trại trồng nhỏ,

*nhà máy rượu vang nho Ninh Thuận – Công ty CP SMAST ASGARD: 1.810.706.489 đồng; Dự án đường giao thông liên xã Phước Đại đi Phước Tân - Ban QLDA ĐTXD huyện Bác Ái: 557.940.813 đồng; Dự án Mỏ đá xây dựng Tây Cà Rôm 1 - Công ty Cổ phần khai thác và sản xuất đá Ánh Dương: 849.080.724 đồng).*

- Chi trồng rừng thay thế, Hợp đồng trồng rừng đầu tiên từ năm 2015, đến nay có tổng 15 HĐ (trong đó: 14 HĐ trồng rừng thay thế và 01 HĐ tư vấn thiết kế trồng rừng cho năm 2019);

- Tổng số tiền thực hiện trồng rừng thay thế đã được UBND tỉnh phê duyệt là 52.029.684.907 đồng, với diện tích 638,50 ha. Trong đó: số tiền thực hiện trồng rừng thay thế đã giải ngân đến tháng 6/2020: 21.850.762.632 đồng; số tiền còn phải giải ngân để thực hiện theo năm đầu tư chăm sóc rừng là: 30.178.922.275 đồng;

- Số tiền chưa giao kế hoạch thực hiện trồng rừng thay thế là 38.209.300.664 đồng (90.238.985.571 đồng - 52.029.684.907 đồng) của các dự án nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ BV&PTR để thực hiện trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng;

Số tiền thu để thực hiện Hợp đồng trồng rừng thay thế từ trước năm 2017 đơn vị gửi tại ngân hàng thương mại Vietinbank và phát sinh lãi tiền gửi là 126.931.060 đồng, đến năm 2017 đơn vị chuyển số tiền trồng rừng thay thế sang kho bạc 67.643.765.886 đồng theo công văn số 1955/TCLN-KHTC ngày 24/11/2016 của Tổng Cục Lâm nghiệp.

### **3. Tình hình thu, chi tiền trồng rừng khắc phục (kèm phụ lục số 03)**

Tổng số tiền trồng rừng khắc phục đã nộp theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh là 1.496.744.239 đồng, với tổng diện tích phải trồng rừng khắc phục là 6,3369 ha (diện tích sử dụng tạm để thực hiện dự án). Trong đó:

- Đã giải ngân 100% đối với 02 dự án Đường dây 220KV Nhà máy điện Vĩnh Tân-Tháp Chàm, số tiền 204.963.584 đồng và Trạm biến áp 220KV Tháp Chàm và các đường dây đấu nối, số tiền 992.386.394 đồng để thực hiện trồng rừng khắc phục hiện trạng;

- Dự án công trình thủy điện tích năng Bác Ái, chưa giải ngân số tiền 236.475.008 đồng, vì chưa bàn giao diện tích sử dụng tạm để thực hiện dự án;

- Dự án đường Ba Tháp - Suối Le - Phước Kháng, số tiền 48.684.174 đồng (trong đó số chưa thu 18.684.174 đồng) và dự án tuyến đường dây 220kV đấu nối nhà máy điện mặt trời Hacom Solar - Công ty TNHH Năng lượng Hacom (Hạng mục đường vận xuất), số tiền 14.235.079 đồng; hiện đơn vị chủ rừng đang lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật trồng rừng khắc phục, trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt, Quỹ BV&PTR sẽ ký kết hợp đồng giải ngân tiền trồng rừng khắc phục tại 02 dự án này.

## **II. Nhận xét tình hình hoạt động tài chính đơn vị**

## **1. Việc chấp hành chế độ kế toán, quản lý thu – chi năm 2018 – 2019:**

**1.1. Sổ sách, chứng từ kế toán:** Công tác mở sổ sách kế toán theo dõi thu, chi các nguồn đúng theo quy định; các nghiệp vụ kinh tế phát sinh Quỹ BV&PTR phản ánh kịp thời, chứng từ rõ ràng tiện việc kiểm tra, đối chiếu.

Quỹ BV&PTR áp dụng chế độ kế toán, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/05/2012 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

### **1.2. Quy chế chi tiêu nội bộ:**

Xây dựng nội dung chi, mức chi phù hợp các quy định hiện hành. Về chi lương và phụ cấp theo lương của cán bộ, công chức kiêm nhiệm thành viên Ban Điều hành hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm đã được thống nhất của Hội đồng quản lý Quỹ.

### **1.3. Chấp hành chế độ chính sách về quản lý thu – chi:**

Qua kiểm tra nhận thấy Quỹ BV&PTR thực hiện việc thu, chi dịch vụ môi trường rừng và trồng rừng thay thế kịp thời, đảm bảo nội dung, định mức chi theo quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành tuy nhiên còn tồn tại một số nội dung như sau:

#### **a) Về thực hiện các chính sách quy định đối với Quỹ BV&PTR**

- Nguồn kinh phí hoạt động của Quỹ BV&PTR được trích tối đa 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường thực thu trong năm (số tiền DVMTR thực thu trong năm được giải thích tại khoản 5, Điều 2 Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018) để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ BV&PTR, được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 4 Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 và tại điểm a, khoản 2, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Việc trích 10% trên số quyết toán của các đơn vị phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng (số thực thu phát sinh từ ngày 01/01 đến 31/12 hàng năm) là đúng quy định, nhưng Quỹ BV&PTR xác định số thực thu theo quyết toán của các đơn vị phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng là đến hết quý I năm sau là không phù hợp.

- Năm 2018, Quỹ BV&PTR trích 10% trên số quyết toán cho chủ rừng còn thừa là không đúng quy định.

- Đối với nguồn kinh phí dự phòng đề nghị Quỹ BV&PTR thực hiện đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Quỹ BV&PTR là một tổ chức hoạt động theo loại hình đơn vị sự nghiệp công lập và theo cơ chế tự chủ tài chính, nhưng Quỹ BV&PTR chưa thực hiện phân phối kết quả tài chính trong năm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP (từ năm 2013 đến năm 2016) và theo quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ (từ năm 2017 –

2019).

**b) Về dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)**

Năm 2015, truy thu nguồn DVMTR của những năm trước (từ tháng 5 đến tháng 12/2011 và năm 2012) nhưng Quỹ BV&PTR chưa điều tiết để chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng, vì không có đối tượng chi hoặc chưa xác định đối tượng chi cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định. Ngày 14/5/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 692/QĐ-UBND v/v phê duyệt đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí lập dự án điều tra, đánh giá hiện trạng rừng tự nhiên ngoài 03 loại rừng đưa vào quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận, với dự toán kinh phí 441.074.000 đồng/1.416.306.920 đồng, số cung ứng dịch vụ môi trường rừng không có đối tượng chi hoặc chưa xác định đối tượng chi, còn lại là 975.232.920 đồng/1.416.306.920 đồng.

Ngày 30/6/2020, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ông đã thanh toán nợ dịch vụ môi trường rừng số tiền là 253.086.000 đồng (từ tháng 01 đến tháng 04/2011), hóa đơn số 300620.44.001733 tại ngân hàng Vietcombank.

**c) Về trồng rừng thay thế**

- Đơn giá thu trồng rừng thay thế căn cứ theo Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND tỉnh v/v phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích trồng rừng sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn tỉnh, hiện đang được Chi cục kiểm lâm và các ngành áp giá trên diện tích phải trồng rừng thay thế là chưa phù hợp, vì Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 ban hành căn cứ trên các văn bản đến nay hết hiệu lực, như: Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004, Nghị định số 23/2006/NĐ-CP, Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTTN,...;

- Tại dự án của Công ty cổ phần Nam Núi Chúa, chuyển mục đích trồng rừng sang mục đích sử dụng khác phải thực hiện trồng rừng thay thế, trong đó:

+ Công ty cổ phần Nam Núi Chúa đã thực hiện việc trồng rừng thay thế giai đoạn 1, chu kỳ đầu tư năm 2011-2014: 5,0 ha, có 2,77 ha đạt chỉ tiêu nghiệm thu thành rừng, 2,23 ha chưa đáp ứng chỉ tiêu thành rừng (Báo cáo số 374/BC-CCKL ngày 22/3/2019; biên bản ngày 27/5/2020 giữa Chi cục Kiểm lâm, Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa và Công ty cổ phần Nam Núi Chúa; Báo cáo số 558/BC-CCKL ngày 28/5/2020). Công ty cổ phần Nam Núi Chúa chấp thuận sẽ tiếp tục thực hiện trồng lại diện tích 2,23 ha rừng trồng thay thế giai đoạn 1 do chưa đủ tiêu chí thành rừng (biên bản ngày 27/5/2020 giữa Chi cục Kiểm lâm, Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa và Công ty cổ phần Nam Núi Chúa);

+ Trồng rừng thay thế giai đoạn 2, diện tích 12 ha: theo Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh v/v thu hồi đất, đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất do Vườn Quốc gia Núi Chúa quản lý, cho Công ty Cổ phần Nam Núi Chúa thuê để thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái Nam Núi Chúa (giai đoạn 2, trên cơ sở căn cứ văn bản số 99/TTg-KTN ngày 16/01/2014 của Thủ tướng). Tại Thông báo số 173/TB-VPUB ngày 23/5/2018 của Văn phòng UBND tỉnh, yêu cầu nhà đầu

tư "thực hiện việc nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất rừng của dự án cho giai đoạn còn lại, hoàn thành trong tháng 5/2018", nhưng đến ngày 19/6/2018 Quỹ BV&PTR ban hành Thông báo số 37/QBVPTR-KHTC và Công ty cổ phần quản lý Nam Núi Chúa nộp tiền trồng rừng thay thế ngày 22/6/2018, với số tiền 556.945.244 đồng trồng rừng thay thế 04 ha rừng đặc dụng.

Căn cứ Luật Lâm nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, Chi cục Kiểm lâm, Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa và Công ty cổ phần Nam Núi Chúa tổ chức họp và có Biên bản ngày 22/4/2019 và trên cơ sở biên bản Chi cục Kiểm lâm có Báo cáo số 605/CCKL-QLBVR&BTTN ngày 26/4/2019 thống nhất "diện tích chủ dự án phải tiếp tục thực hiện trồng rừng thay thế bổ sung là 12,0 ha - 4,0 ha = 8,0 ha", nhưng đến ngày 27/5/2020, có lập biên bản họp giữa Chi cục Kiểm lâm, Ban quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa và Công ty cổ phần Nam Núi Chúa và Báo cáo số 558/BC-CCKL ngày 28/5/2020 của Chi cục Kiểm lâm, lại kiến nghị: Công ty cổ phần Nam Núi Chúa xây dựng phương án và tự thực hiện trồng rừng thay thế giai đoạn 2, với diện tích trồng rừng thay thế theo Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 (12 ha); Quỹ BV&PTR hoàn trả số tiền trồng rừng thay thế (đối với 4,0 ha giai đoạn 2, số tiền 556.945.244 đồng) cho dự án theo quy định. Tại các biên bản kiến nghị trên không có ý kiến của Quỹ BV&PTR.

Căn cứ khoản 4, Điều 21 Luật Lâm nghiệp năm 2017 "4. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí được hoặc không bố trí đủ diện tích đất để trồng rừng thay thế trong thời hạn 12 tháng kể từ khi chủ dự án hoàn thành trách nhiệm nộp tiền vào quỹ bảo vệ và phát triển rừng ở cấp tỉnh thì phải chuyển tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế tại địa phương khác.", vậy trồng rừng thay thế đối với 4,0 ha giai đoạn 2, được chuyển đổi mục đích tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh và văn bản số 99/TTg-KTN ngày 16/01/2014 của Thủ tướng, đã nộp số tiền 556.945.244 đồng ngày 22/6/2018 đến tháng 6/2020 đã 24 tháng, là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 4, Điều 21 Luật Lâm nghiệp.

Mặt khác, Công ty cổ phần Nam Núi Chúa thực hiện việc trồng rừng thay thế giai đoạn 1, chu kỳ đầu tư năm 2011-2014, còn diện tích 2,23 ha/5,0 ha (chiếm 44,6%), đến tháng 5/2020 (biên bản ngày 27/5/2020) chưa đủ tiêu chí thành rừng. Nhưng ngày 28/5/2020 Chi cục Kiểm lâm đề nghị hoàn trả số tiền trồng rừng thay thế đối với 4,0 ha giai đoạn 2, số tiền 556.945.244 đồng, (tại Báo cáo số 558/BC-CCKL) để Công ty cổ phần Nam Núi Chúa thực hiện trồng rừng thay thế là không khả thi.

- Căn cứ công văn số 1955/TCLN-KHTC ngày 24/11/2016 của Tổng Cục Lâm nghiệp về việc quản lý, sử dụng tiền trồng rừng thay thế. Đến năm 2017, Quỹ BV&PTR thực hiện chuyển số tiền trồng rừng thay thế từ ngân hàng thương mại Vietinbank sang Kho bạc Nhà nước để thực hiện tạm ứng, thanh toán và kiểm soát chi tiền trồng rừng thay thế đối với các chủ đầu tư, chủ dự án theo Thông tư số 85/2014/TT-BTC. Đến ngày 31/12/2019 số dư từ nguồn TRTT là 59.060.065.071 đồng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh.

- Qua kiểm tra hồ sơ từ năm 2016 đến 30/6/2020 có 14 Hợp đồng trồng rừng và 01 HĐ tư vấn thiết kế trồng rừng cho năm 2019, diện tích đang triển khai thực hiện 638,50 ha/744,43 ha và 136 ha còn lại phải trồng/38.209.300.664 đồng, cụ thể:

+ 02 Hợp đồng nghiệm thu và bàn giao chậm so với hợp đồng đã ký là 2,5 tháng (ngày 31/12/2019 nghiệm thu, bàn giao), đã hoàn thành nghiệm thu và bàn giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam với diện tích là 25 ha (thực hiện theo Quyết định số 1880/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh và Quyết định số 589a/QĐ-SNNPTNT ngày 30/12/2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); đã thực hiện thanh toán qua các năm theo kế hoạch vốn số tiền 1.620.103.272 đồng/1.680.967.558 đồng, đến 30/6/2020 chưa thanh toán số tiền là 60.864.286 đồng. (Số thứ tự số 01 và 02, trên phụ lục số 02)

+ 04 Hợp đồng đã nghiệm thu hoàn thành theo kế hoạch bố trí vốn đầu tư năm thứ 1, thứ 2 với số tiền: 5.291.595.034 đồng/6.002.915.843 đồng, số tiền 711.320.809 đồng sẽ thanh toán theo kết quả nghiệm thu cho những năm sau theo hợp đồng (Số thứ tự 03 đến số thứ tự 06, trên phụ lục số 02)

+ 08 Hợp đồng thực hiện trồng năm 2019, Quỹ BV&PTR (chủ đầu tư) cho tạm ứng (50%) năm đầu số tiền: 14.441.672.326 đồng/43.848.409.506 đồng, hiện nay chưa nghiệm thu khối lượng thanh toán năm đầu (Số thứ tự 07 đến số thứ tự 14, trên phụ lục số 02).

#### **d) Trồng rừng khắc phục**

- Dự án đường Ba Tháp - Suối Le - Phước Kháng, số tiền 48.684.174 đồng, xí nghiệp xây dựng Lương Bằng đã nộp 30.000.000 đồng, số còn lại Quỹ BV&PTR đã có văn bản số 54/QBVPTR-KH ngày 16/9/2019 đôn đốc nộp, nhưng đến nay vẫn chưa nộp số tiền 18.684.174 đồng.

- Chi trồng rừng khắc phục được UBND tỉnh ban hành văn bản số 157/UBND-KTN ngày 15/01/2016 về việc giao nhiệm vụ các đơn vị thực hiện khắc phục hiện trạng rừng các tuyến đường tạm giao các Ban QL rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang và Sông Sắt làm chủ đầu tư trồng rừng khắc phục tại 02 dự án Đường dây 220KV Nhà máy điện Vĩnh Tân-Tháp Chàm, số tiền 204.963.584 đồng và Trạm biến áp 220KV Tháp Chàm và các đường dây đầu nối, số tiền 992.386.394 đồng để thực hiện trồng rừng khắc phục hiện trạng.

- Đến ngày 30/6/2020 còn 3 dự án chưa trồng rừng khắc phục với số tiền 299.394.261 đồng (trong đó số chưa thu 18.684.174 đồng): Dự án công trình thủy điện tích năng Bác Ái, chưa bàn giao diện tích sử dụng tạm để thực hiện dự án; Dự án đường Ba Tháp - Suối Le - Phước Kháng và dự án tuyến đường dây 220kV đầu nối nhà máy điện mặt trời Hacom Solar - Công ty TNHH Năng lượng Hacom (Hạng mục đường vận xuất), đang lập hồ sơ, hoàn thiện quy trình thủ tục để trồng rừng khắc phục tại 02 dự án này. (chi tiết kèm phụ lục số 03)

## **2. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản và chế độ Hợp đồng lao động**



Quỹ BV&PTR theo dõi Tài sản cố định trên biên bản kiểm kê, nhưng chưa mở sổ theo dõi Tài sản cố định và công cụ dụng cụ (như bàn, ghế, tủ hồ sơ,...) là chưa đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ theo Bảng thanh toán tiền công tháng 12/2019 và tháng 5/2020, đến hiện nay Quỹ BV&PTR thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội: hệ số lương (*chưa có phụ cấp lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có)*) x mức lương cơ sở là chưa đúng quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

### **C. KẾT LUẬN:**

Nhìn chung, Quỹ BV&PTR thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, cụ thể: mở sổ sách kế toán theo dõi thu, chi từng nguồn vốn đúng theo quy định; các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh kịp thời, chứng từ rõ ràng tiện việc kiểm tra, đối chiếu. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng chi tiết để thực hiện. Về công khai tài chính được niêm yết tại Quỹ BV&PTR theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, việc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại BV&PTR còn một số tồn tại sau:

#### **1. Việc chấp hành chế độ, quản lý thu – chi năm 2018 – 2019:**

##### **1.1. Về thực hiện các chính sách quy định đối với Quỹ BV&PTR**

- Kinh phí quản lý được trích tối đa 10%/ số quyết toán (hết quý I năm sau) của các đơn vị phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng là chưa đúng mốc thời gian xác định số thực thu quy định tại khoản 5, Điều 2 Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính.

- Năm 2018, trích 10% trên số quyết toán cho chủ rừng còn thừa là không đúng quy định.

- Đối với nguồn kinh phí dự phòng chưa thực hiện đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

- Quỹ BV&PTR chưa thực hiện phân phối kết quả tài chính trong năm (từ năm 2013 đến năm 2016) theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2016 của Chính phủ và (từ năm 2017 – 2019) theo quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

##### **1.2. Về dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)**

Năm 2015, truy thu nguồn DVMTR của những năm trước (từ tháng 5 đến tháng 12/2011 và năm 2012) nhưng Quỹ BV&PTR chưa điều tiết để chi trả cho bên cung

ứng dịch vụ môi trường rừng, vì không có đối tượng chi hoặc chưa xác định đối tượng chi cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo quy định. Đến tháng 6/2020, số tiền truy thu dịch vụ môi trường rừng không có đối tượng chi hoặc chưa xác định đối tượng chi còn 975.232.920 đồng.

### **1.3. Về trồng rừng thay thế**

- Hiện nay, đơn giá thu trồng rừng thay thế theo Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 là chưa phù hợp, vì các căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 385/QĐ-UBND đến nay hết hiệu lực;

- Tại dự án của Công ty cổ phần Nam Núi Chúa, chuyên mục đích trồng rừng sang mục đích sử dụng khác phải thực hiện trồng rừng thay thế, trong đó:

+ Công ty đã thực hiện việc trồng rừng thay thế giai đoạn 1, chu kỳ đầu tư năm 2011-2014: 5,0 ha, có 2,77 ha đạt chỉ tiêu nghiệm thu thành rừng, 2,23 ha chưa đáp ứng chỉ tiêu thành rừng, Công ty cổ phần Nam Núi Chúa chấp thuận sẽ tiếp tục thực hiện trồng lại diện tích 2,23 ha rừng trồng thay thế giai đoạn 1 do chưa đủ tiêu chí thành rừng (*biên bản ngày 27/5/2020*);

+ Trồng rừng thay thế giai đoạn 2, diện tích 12 ha: Quỹ BV&PTR ban hành Thông báo số 37/QBVPTR-KHTC ngày 19/6/2018 về việc “nộp tiền trồng rừng thay thế ...” chưa kịp thời so với yêu cầu của UBND tỉnh tại Thông báo số 173/TB-VPUB ngày 23/5/2018 của Văn phòng UBND tỉnh, yêu cầu nhà đầu tư “*thực hiện việc nộp tiền trồng rừng thay thế đối với diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất rừng của dự án cho giai đoạn còn lại, hoàn thành trong tháng 5/2018*”, được chuyển đổi mục đích tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh và văn bản số 99/TTg-KTN ngày 16/01/2014 của Thủ tướng, trồng rừng thay thế đã nộp số tiền 556.945.244 đồng (04 ha) ngày 22/6/2018 đến tháng 6/2020 đã 24 tháng, chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 4, Điều 21 Luật Lâm nghiệp.

Mặt khác, Công ty cổ phần Nam Núi Chúa thực hiện việc trồng rừng thay thế giai đoạn 1, chu kỳ đầu tư năm 2011-2014, còn diện tích 2,23 ha/5,0 ha (chiếm 44,6%), đến tháng 5/2020 (*biên bản ngày 27/5/2020*) hơn 5 năm kết thúc chu kỳ trồng rừng nhưng vẫn chưa đủ tiêu chí thành rừng.

- Đến ngày 31/12/2019 số dư từ nguồn TRTT là 59.060.065.071 đồng tại Kho bạc Nhà nước tỉnh (trong đó có lãi tiền gửi phát sinh là 126.931.060 đồng).

- Từ năm 2016 đến 30/6/2020 có 14 Hợp đồng trồng rừng và 01 HĐ tư vấn thiết kế trồng rừng cho năm 2019, trong đó có 02 Hợp đồng-nghiệm thu và bàn giao chậm so với hợp đồng đã ký là 2,5 tháng (ngày 31/12/2019 nghiệm thu, bàn giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ ven biển Thuận Nam với diện tích là 25 ha), đã thực hiện thanh toán qua các năm theo kế hoạch vốn số tiền 1.620.103.272 đồng/1.680.967.558 đồng, đến 30/6/2020 chưa thanh toán số tiền là 60.864.286 đồng. (*Số thứ tự số 01 và 02, trên phụ lục số 02*), Cụ thể:

+ Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế năm 2015 thuộc lâm phần BQL

RPH ven biển Thuận Nam - Hợp đồng số 72/2016/HĐTR-QBVPTR-TR1, số tiền 52.645.068 đồng;

+Trồng và chăm sóc rừng thuộc lâm phần BQL RPH ven biển Thuận Nam theo kế hoạch TRTT 2016 – Hợp đồng số 70/2016/HĐTR-QBVPTR-TR3, số tiền 8.219.218 đồng.

#### **1.4. Trồng rừng khắc phục**

Dự án đường Ba Tháp - Suối Le - Phước Kháng, xí nghiệp xây dựng Lưỡng Bằng số còn đến nay vẫn chưa nộp số tiền 18.684.174 đồng.

#### **4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản và chế độ Hợp đồng lao động**

Mở sổ tài sản và công cụ, dụng cụ đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính;

Hiện nay, Quỹ BV&PTR thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội: hệ số lương (*chưa có phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác*) x mức lương cơ sở là chưa đúng quy định tại khoản 2, Điều 17 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.

### **D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

#### **1. Kiến nghị đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh**

1. Kiến nghị xử lý về tài chính, đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh nộp ngân sách nhà nước số tiền 126.931.060 đồng, cụ thể: Lãi từ tiền trồng rừng thay thế gửi tại ngân hàng thương mại.

2. Kiến nghị xử lý khác, đề nghị Quỹ BV&PTR khắc phục và thực hiện những nội dung sau:

2.1. Thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể: “kinh phí quản lý được trích tối đa 10% tổng số tiền dịch vụ môi trường rừng thực thu trong năm để chi cho các hoạt động của bộ máy Quỹ”;

2.2. Quỹ BV&PTR thực hiện phân phối kết quả tài chính trong năm 2019 theo quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

2.3. Tăng cường đôn đốc và thực hiện thu tiền trồng rừng khắc phục số tiền 18.684.174 đồng của xí nghiệp xây dựng Lưỡng Bằng đúng theo quy định;

2.4. Thực hiện đúng thời gian nghiệm thu và bàn giao dự án hoàn thành theo đúng hợp đồng đã ký kết;

2.4. Tăng cường quản lý tiền trồng rừng thay thế đúng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP;

2.5. Quản lý tài sản và công cụ, dụng cụ đúng theo Thông tư số 107/2017/TT-

BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; Thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội đúng theo quy định cho người lao động;

2.6. Tiếp tục kiểm tra và đôn đốc Công ty cổ phần Nam Núi Chúa thực hiện việc trồng rừng thay thế giai đoạn 1, chu kỳ đầu tư năm 2011-2014, hiện còn diện tích 2,23 ha/5,0 ha (chiếm 44,6% chưa được nghiệm thu);

2.7. Tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm của cá nhân có liên quan đến các nội dung nêu trên.

## **II. Kiến nghị đối với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn**

1. Tham mưu UBND tỉnh sửa đổi bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 3, tại Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 cho phù hợp với quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ trì phối hợp với các ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành “quyết định phê duyệt đơn giá trồng rừng sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn tỉnh” thay thế Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 v/v phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích trồng rừng sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn tỉnh cho phù hợp căn cứ pháp lý và đơn giá hiện nay.

## **III. Kiến nghị UBND tỉnh**

1. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp các ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành “quyết định phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn tỉnh” thay thế Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 v/v phê duyệt đơn giá trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích trồng rừng sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn tỉnh cho phù hợp căn cứ pháp lý và đơn giá hiện nay;

2. Chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo dõi, đôn đốc Công ty cổ phần Nam Núi Chúa thực hiện việc trồng rừng thay thế giai đoạn 1, chu kỳ đầu tư năm 2011-2014, hiện còn diện tích 2,23 ha/5,0 ha (chiếm 44,6% chưa được nghiệm thu); hơn 5 năm kết thúc chu kỳ trồng rừng thay thế nhưng vẫn chưa đủ tiêu chí thành rừng;

3. Không đồng ý Công ty cổ phần Nam Núi Chúa tự trồng rừng thay thế giai đoạn 2, vì trồng rừng thay thế giai đoạn 1 hơn 5 năm kết thúc chu kỳ trồng (2011-2014) vẫn còn 44,6% chưa đủ tiêu chí thành rừng. Giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh tham mưu thực hiện thu và trồng rừng thay thế giai đoạn 2 (12 ha). Ngày 22/6/2018, Quỹ BV&PTR đã thu số tiền 556.945.244 đồng (TRTT giai đoạn 2 tương ứng với 04 ha) nhưng đến tháng 6/2020 chưa thực hiện trồng rừng thay thế. (Nêu tại Công văn số 2562/STC-TTr ngày 31/8/2020).

4. Đồng ý chủ trương thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 975.232.920 đồng là nguồn truy thu dịch vụ môi trường rừng (truy thu nguồn DVMTR của những năm trước, từ tháng 5 đến tháng 12/2011 và năm 2012), không có đối tượng chi hoặc chưa

xác định đối tượng chi cung ứng dịch vụ môi trường rừng. (Nêu tại Công văn số 2562/STC-TTr ngày 31/8/2020).

5. Chỉ đạo kiểm điểm tổ chức, cá nhân tham mưu ban hành Quyết định số 692/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND tỉnh v/v phê duyệt đề cương kỹ thuật và dự toán kinh phí lập dự án điều tra, đánh giá hiện trạng rừng tự nhiên ngoài 03 loại rừng đưa vào quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận từ nguồn truy thu dịch vụ môi trường rừng chưa đúng theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, với dự toán kinh phí số tiền 441.074.000 đồng.

\* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra gửi về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*


- UBND tỉnh:
- Thanh tra Bộ Tài chính: Báo cáo
- Thanh tra tỉnh:
- Sở Nông nghiệp và PTNT:
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh:
- Giám đốc Sở:
- Lưu: VT, HSTT, TTV

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



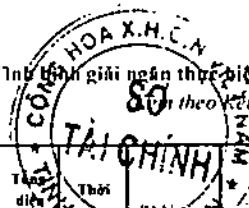
*[Chữ ký]*  
Lê Công Bình




**Trình hình số tiền trồng rừng thay thế của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Ninh Thuận**  
 (Kèm theo Quyết định số 2895 /KL-STC ngày 05/10/2020 của Sở Tài chính)

TT	Tên công trình/dự án	Diện tích phải TRTT	Diện tích chuyển MĐSD	Năm chuyển MĐSD	Diện tích đã trồng (ha)	Số tiền (đồng)									Diện tích còn lại phải trồng (ha)
						Số tiền phải nộp	Đã nộp	Đã giải ngân	Đã có kế hoạch chi	Số tiền đã thu từ năm 2013-2017	Số tiền đã thu năm 2018	Số tiền đã thu năm 2019	Số tiền đã thu năm 2020	Số tiền còn phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14=3-6)		
<b>TỔNG:</b>		774,50	131,20	0,00	638,50	93.456.713.597	90.238.985.571	0	0	10.306.393.920	62.043.991.987	4.742.954.562	13.145.645.102	3.217.728.026	136,00
A	<b>CÁC DỰ ÁN CHỦ ĐẦU TƯ NỘP TIỀN TRTT VÀO QUỸ BVPT R (đã chuyển MĐSD)</b>	201,36	131,20		138,50	23.866.921.873	23.866.921.873	0	0	8.286.574.950	1.940.408.607	3.859.717.873	9.780.220.443	0	
I	<b>Dự án thủy điện</b>	32,92	32,92			4.746.796.505	4.746.796.505	0	0	4.746.796.505	0	0		0	0,00
1	Dự án đường dây 220KV Nhà máy điện Vĩnh Tân - Tháp Chàm (BQLDA các công trình điện Miền Trung)	5,86	5,86	2014		1.093.947.330	1.093.947.330			1.093.947.330				0	
2	Dự án Trạm biến áp 220KV Tháp Chàm và các đường dây đầu nối (Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 4-Trung tâm tư vấn xây dựng điện)	15,00	15,00	2014		2.316.773.597	2.316.773.597			2.316.773.597				0	
3	Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim, Lâm Sơn, Ninh Sơn (Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mít)	12,06	12,06	2015		1.336.075.578	1.336.075.578			1.336.075.578				0	
II	<b>Dự án kinh doanh</b>	57,52	44,21			6.419.886.385	6.419.886.385	0	0	1.726.665.899	1.940.408.607	2.752.811.879		0	0,00
1	Dự án thu gom đá (Công ty CP ĐT khai thác khoáng sản Chi Lăng)	2,00	2,00	2014		80.000.000	80.000.000			80.000.000				0	
2	Nhà máy chế biến tinh bột sắn (Công ty Cổ phần Fococov Ninh Thuận)	12,4532	12,4532	2019		1.205.833.692	1.205.833.692				1.205.833.692			0	
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1, huyện Ninh Phước	0,30	0,30	2019		29.048.767	29.048.767					29.048.767			
4	Dự án Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn 2 (Công ty TNHH điện mặt trời Mỹ Sơn 2)	0,46	0,46	2019		55.876.557	55.876.557					55.876.557			
5	Dự án Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn (Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Xây dựng Thương Mại Hoàng Sơn)	1,38	1,38	2018		167.629.671	167.629.671				167.629.671			0	

Tình hình giải ngân thực hiện trồng rừng thay thế nộp vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Ninh Thuận  
 theo kết luận số 1895 /KL-STC ngày 05/10/2020 của Sở Tài chính



STT	Tên Dự án trồng rừng thay thế	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)	Tỷ lệ giải ngân thực hiện dự án (Ba)	Thời gian bắt đầu thực hiện (năm)	Thời gian thực hiện giải ngân (năm)	Số tiền đã giải ngân thực hiện TRTT (tỷ lệ tỷ lệ (đồng)	Chỉ từ 2015-2020	Giải ngân phân theo theo năm						Số tiền còn phải giải ngân để chăm sóc (đồng)	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh	Số hợp đồng
								2015	2016	2017	2018	2019	2020			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.029.654.907</b>	<b>638,50</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21.850.762.632</b>	<b>21.850.762.632</b>	<b>300.000.000</b>	<b>1.666.424.500</b>	<b>1.991.606.504</b>	<b>1.206.093.835</b>	<b>13.453.547.654</b>	<b>3.233.090.139</b>	<b>30.178.922.275</b>		
1	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế năm 2015 (thuộc lâm phần BQL RPH ven biển Thuận Nam)	1.311.588.684	20,0%	2015	2015	1.278.943.617	1.278.943.617	300.000.000	154.800.000	580.842.825	127.139.292	116.161.500	52.645.068	số 589a/QĐ-UBND ngày 30/12/2015	Số 72/2016/HĐTR-QBVPTR-TR1	
2	Trồng và chăm sóc rừng thuộc lâm phần BQL RPH ven biển Thuận Nam theo kế hoạch TRPT 2016	349.378.873	5,0%	2016	2016	341.159.655	341.159.655	0	124.497.505	154.981.055	33.603.045	28.078.050	8.219.218	số 1880/QĐ-UBND ngày 27/7/2016	Số 70/2016/HĐTR-QBVPTR-TR1	
3	Trồng và chăm sóc rừng thuộc lâm phần Cty TNHH Lâm nghiệp Ninh Sơn theo kế hoạch trồng rừng thay thế 2016	2.035.272.964	27,0%	2016	2016	1.917.401.936	1.917.401.936	0	898.662.274	549.782.624	369.325.617	99.631.401	117.871.028	số 1881/QĐ-UBND ngày 27/7/2016	Số 71/2016/HĐTR-QBVPTR-TR2	
4	Trồng và chăm sóc rừng thuộc lâm phần BQL RPH đầu nguồn Sông Sắt theo kế hoạch trồng rừng thay thế 2016	1.895.113.541	26,5%	2016	2016	1.576.929.742	1.576.929.742	0	488.464.721	110.000.000	448.872.492	411.769.765	97.822.854	số 2812/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	Số 107/2016/HĐTR-QBVPTR	
5	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2017 (tại BQL RPH đầu nguồn hồ Sông Trầu)	693.921.410	10,0%	2017	2017	587.346.940	587.346.940	0	0	206.000.000	213.159.071	168.187.869	0	số 2272/QĐ-UBND ngày 28/11/2017	Số 05/HĐĐT-QBVPTR	
6	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2017 (tại BQL RPH đầu nguồn hồ Sông Sắt)	1.378.605.928	20,0%	2017	2017	1.209.916.416	1.209.916.416	0	0	390.000.000	13.994.385	297.374.000	508.548.028	168.689.512	số 2278/QĐ-UBND ngày 28/11/2017	Số 06/2017/HĐĐT-QBVPTR
7	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2018 (tại BQL RPH đầu nguồn hồ Sông Trầu)	2.278.149.049	30,0%	2019	2019	747.953.069	747.953.069	0	0	0	0	747.953.069	0	1.530.195.980	số 2230/QĐ-UBND ngày 25/12/2018	Số 01/2018/HĐĐT-QBVPTR
8	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2019 (tại BQL RPH Krông Pha)	849.199.457	10,0%	2019	2019	217.000.000	217.000.000	0	0	0	0	217.000.000	0	632.199.457	1569/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	04/2019/HĐĐT-QBVPTR
9	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2019 (tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến)	8.491.994.570	100,0%	2019	2019	2.176.000.000	2.176.000.000	0	0	0	0	2.176.000.000	0	6.315.994.570	1566/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	05/2019/HĐĐT-QBVPTR
10	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2019 (tại BQL Vườn quốc gia Phước Bình)	4.245.997.285	50,0%	2019	2019	2.176.242.100	2.176.242.100	0	0	0	0	1.088.000.000	1.088.242.100	2.069.755.185	1568/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	06/2019/HĐĐT-QBVPTR
11	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2019 (tại Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa)	2.744.500.104	35,0%	2019	2019	1.175.627.975	1.175.627.975	0	0	0	0	770.000.000	405.627.975	1.568.872.130	1564/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	07/2019/HĐĐT-QBVPTR
12	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2019 (tại BQL RPH đầu nguồn hồ Sông Trầu)	3.910.162.585	50,0%	2019	2019	1.156.000.000	1.156.000.000	0	0	0	0	1.156.000.000	0	2.754.162.585	1567/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	08/2019/HĐĐT-QBVPTR
13	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2019 (tại BQL RPH đầu nguồn hồ Sông Sắt)	3.921.241.915	50,0%	2019	2019	2.292.849.182	2.292.849.182	0	0	0	0	1.160.000.000	1.132.849.182	1.628.392.753	1570/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	09/2019/HĐĐT-QBVPTR
14	Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng thay thế theo kế hoạch năm 2019 (tại BQL RPH hồ đầu nguồn hồ Sông Sắt)	17.407.164.520	205,0%	2019	2019	4.500.000.000	4.500.000.000	0	0	0	0	4.500.000.000	0	12.907.164.520	1565/QĐ-UBND ngày 27/9/2019	10/2019/HĐĐT-QBVPTR
15	Chi tư vấn thiết kế HĐ TR 2019	497.392.000			2019	497.392.000	497.392.000					497.392.000	0			

Tình hình thu, giải ngân tiền trồng rừng khắc phục vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Ninh Thuận

(Kèm theo Kết luận số 1895 /KL-STC ngày 05 /10/2020 của Sở Tài chính)

TT	Tên dự án - Tên đơn vị nộp tiền trồng rừng thay thế theo QĐ của UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT	Đơn giá nộp tiền (đồng/ha)	Tình hình thu tiền TRKP						Tình hình giải ngân tiền TRKP			
				Số phải nộp		Số đã nộp		Số còn phải nộp		Số đã giải ngân		Số còn giải ngân	
				Diện tích (ha)	Số tiền (đồng)	Diện tích (ha)	Số tiền (đồng)	Diện tích (ha)	Số tiền (đồng)	Diện tích (ha)	Số tiền (đồng)	Diện tích (ha)	Số tiền (đồng)
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng			6.3369	1.496.744.239	6.3369	1.478.060.065	0.0000	18.684.174	0	1.197.349.978	0	280.710.087
1	Đường dây 220KV Nhà máy điện Vĩnh Tân-Tháp Chàm	QĐ số 2314/QĐ-UBND ngày 22/10/2015		0,7548	204.963.584	0,7548	204.963.584				204.963.584		
2	Trạm biến áp 220KV Tháp Chàm và các đường dây đầu nối	QĐ số 2285/QĐ-UBND ngày 25/10/2015		3,08555	992.386.394	3,08555	992.386.394				992.386.394		
3	Công trình thủy điện tích năng Bắc Ái	QĐ 2958/QĐ-UBND ngày 24/12/2015		2,00	236.475.008	2,00	236.475.008						236.475.008
4	Đường Ba Tháp - Suối Lơ - Phước Kháng	VB 3336/UBND-KT ngày 18/8/2016		0,38	48.684.174	0,38	30.000.000		18.684.174				30.000.000
5	Dự án tuyến đường dây 220kV đầu nối nhà máy điện mặt trời Hacom Solar (Công ty TNHH Năng lượng Hacom) (Hạng mục đường vận xuất)	VB3247/UBND-KTTH ngày 30/7/2019 & VB 2119/SNNPTNT-KH ngày 01/8/2019		0,1165	14.235.079	0,1165	14.235.079						14.235.079